

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 105/2025/HS-PT
Ngày 25/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, phiên tòa mở theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo **Xa Thị S** về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Bị cáo: **Xa Thị S**, sinh ngày 15/10/1979; tại tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: **buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk)**; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông **Xa Văn C** (đã chết) và bà **Đinh Thị H**; chồng là **Hà Văn Đ** (đã chết) và có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2022.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 29/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về “*Tội làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, ngày 03/7/2023 chấp hành xong thời gian thử thách.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thành T1** và Luật sư **Nguyễn Duy T2 – Công ty L2, đoàn Luật sư Thành phố H**; địa chỉ: **Lầu A, A N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh**, đều có mặt.

** Người bị hại:*

1- bà Dương Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

2- bà Hà Thị V, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn F, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

3- bà Hà Thị T3, sinh năm 1964; địa chỉ: số A, thôn T, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- bà Hà Thị Thu H1, sinh năm 1999; địa chỉ: buôn K, xã E. Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

2- ông Phan Thọ Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố F, Phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là Phường B, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

3- bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1966; địa chỉ: F N, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là F N, phường T, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

4- bà Vương Thị H2, sinh năm 1990; địa chỉ: Buôn K, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

5- ông Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

6- bà Phạm Thị Ngọc T5, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn B, xã E, , Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

7- ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1990; nơi thường trú: Tổ dân phố F, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: 5 T, Phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (nay là 5 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Xa Thị S vay tiền ngân hàng mua 02 thửa đất số 298 và 299, tờ bản đồ số 03, địa chỉ phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá 3.350.000.000đ nhưng để cho con gái là chị Hà Thị Thu H1 sinh năm 1999, cùng trú tại buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ). Sau đó, S nhờ H1 đứng ra làm thủ tục thế chấp 02 thửa đất này tại ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB) – phòng G, thành phố B để vay số tiền 2.200.000.000đ. Đầu tháng 5/2024, do việc làm ăn thua lỗ đồng thời bản thân đang nợ tiền ngân hàng và một số người khác vì vậy để có tiền trả lãi ngân hàng và trả tiền vay trước đó, S đã thoả thuận bán 02 thửa đất trên cho ông Phạm Thọ Q2 sinh năm 1962, trú tại tổ dân phố F, phường T, thành phố B giá 2.500.000.000đ, ông Q2 đặt cọc trước 900.000.000đ và thoả thuận đến ngày 27/5/2024 làm hợp đồng chuyển nhượng đất sẽ thanh toán số tiền còn lại. Do gần đến ngày thoả thuận làm hợp đồng chuyển nhượng đất với ông Q2, S không có tiền trả vào ngân hàng để xoá thế chấp rút Giấy CNQSDĐ nên S đã gọi điện thoại cho bà Hà Thị T3 sinh năm 1964, trú tại thôn T, xã E, thành phố B là chỗ quen biết để nhờ bà T3 vay tiền giúp, mục đích để trả vào ngân hàng xoá thế chấp lấy Giấy CNQSDĐ, sau đó chuyển nhượng cho ông Q2 lấy tiền trả cho bà T3 thì bà T3 đồng ý. Sau đó bà T3 liên lạc với chị ruột là bà Hà Thị V sinh năm 1963, trú

tại **Thôn F, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** và bà **Dương Thị D** sinh năm 1984, trú tại **Thôn H, xã E, huyện K**, để vay tiền giúp cho **S**.

Sáng ngày 27/5/2024 tại quán cà phê **số A Y, phường E, thành phố B** bà **V**, bà **D** và bà **T3** đã thoả thuận cho **S** vay tổng số tiền 1.990.000.000đ, nhưng yêu cầu chị **H1** viết và ký tên trên giấy vay tiền vì chị **H1** là người đứng tên Giấy CNQSDĐ đồng thời thống nhất để một mình bà **D** đứng tên “Người cho vay” trong giấy vay tiền (thực tế thì trong tổng số tiền 1.990.000.000đ cho vay nêu trên thì bà **D** cho vay 1.050.000.000đ, bà **V** cho vay 600.000.000đ và bà **T3** cho vay 340.000.000đ), thời hạn trả ngày 27/5/2024. Sau khi vay được tiền trả vào ngân hàng để lấy Giấy CNQSDĐ, **S** nói bà **V**, bà **D** đến chờ tại **Văn phòng C2**, địa chỉ **số A - A Y, phường T, thành phố B**, để chờ Sim làm thủ tục chuyển nhượng xong sẽ trả tiền, nhưng **S** lại cùng ông **Q2** đến **Văn phòng C3**, địa chỉ **số B đường L, thành phố B** để thực hiện việc chuyển nhượng đất. Đến 16 giờ ngày 27/5/2024, sau khi làm thủ tục công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông **Q2**, lấy được số tiền 1.540.000.000đ, **S** quay lại **Văn phòng C2** nói với bà **V**, bà **D** là chưa chuyển nhượng được đất và hẹn bà **V**, bà **D** ngày mai tiếp tục quay lại đây để chờ công chứng, lấy tiền.

Sau đó trong ngày 27/5/2024 và sáng ngày 28/5/2024, **S** đã sử dụng hết số tiền bán đất nêu trên để trả nợ cho bà **Nguyễn Thị Minh L** sinh năm 1966, trú tại **số F N, phường T, thành phố B** số tiền 250.000.000đ, bà **Vương Thị H2** sinh năm 1990, trú tại **Buôn K, xã E, thành phố B** số tiền 201.000.000đ, anh **Nguyễn Hữu T4** sinh năm 1988, trú tại **Thôn H, xã E, huyện C** số tiền 200.000.000đ, bà **Phạm Thị Ngọc T5** sinh năm 1969, trú tại **Thôn B, xã E, thành phố B** số tiền 766.000.000đ, anh **Nguyễn Văn Q1** sinh năm 1990, trú tại **Tổ dân phố F, thị trấn B, huyện K** số tiền là 50.000.000đ mà không trả cho bà **V**, bà **D** và bà **T3** như đã thoả thuận. Sau khi liên lạc để đòi tiền không được, bà **D**, bà **V** và bà **T3** đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HSST ngày 03/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

*Tuyên bố bị cáo **Xa Thị S** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.*

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Xử phạt bị cáo **Xa Thị S** 13 (mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt thi hành án.*

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/6/2025 bị cáo **Xa Thị S** kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, không hình sự hóa quan hệ dân sự, trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc tuyên bố bị cáo không phạm tội.

- Ngày 10/6/2025, bị hại **Dương Thị D** kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung vì bỏ lọt hành vi đồng phạm của **Hà Thị Thu H1** (con bị cáo **S**) với bị cáo, đồng thời yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo **S**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Xa Thị S**, bị hại **Dương Thị D** giữ nguyên kháng cáo.
- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:
 - + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.
 - + Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
 - Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo **Xa Thị X** cũng như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự hóa quan hệ dân sự nên yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ minh oan cho bị cáo hoặc tuyên bị cáo không phạm tội, cấp phúc thẩm xét thấy:

Năm 2022, **Xa Thị S** thực hiện thủ tục vay tiền Ngân hàng mua 02 thửa đất số 298 và số 299, tờ bản đồ số 03, tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, nhưng để con gái là chị **Hà Thị Thu H1** (sinh năm 1999) đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhờ chị **H1** làm thủ tục thế chấp 02 thửa đất này tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB) – phòng G, thành phố B** để vay 2.200.000.000 đồng. Đầu tháng 5/2024, do làm ăn thua lỗ, không có tiền trả Ngân hàng và một số người khác nên **Hà Thị S1** thỏa thuận bán 02 thửa đất trên cho ông **Phạm Thọ Q2** với giá 2.500.000.000đ, ông **Q2** đặt cọc 900.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến ngày 27/5/2024 ký Hợp đồng công chứng, ông **Q2** thanh toán số tiền còn lại.

Do gần đến ngày hạn ký hợp đồng với ông **Q2**, nhưng không có tiền tất toán khoản vay tại **Ngân hàng O** để xóa thế chấp, rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 27/5/2024 **S3** thỏa thuận vay của bà **Dương Thị D, Hà Thị T3** và bà **Hà Thị V** tổng số tiền 1.990.000.000 đồng (của bà **D** 1.050.000.000 đồng, của bà **V** 600.000.000 đồng, của bà **T3** 340.000.000 đồng) để xóa thế chấp, bán 2 thửa đất trả tiền lại tiền cho bà **D**, bà **T3** và bà **V** ngay trong ngày 27/5/2024 và **S1** nói bà **V**, bà **D** đến chờ tại **Văn phòng C2** (địa chỉ **A - A Y, phường T, thành phố B**) chờ Sim ký Hợp đồng chuyển nhượng đất, lấy tiền trả ngay trong ngày; tuy nhiên, sau khi trả tiền xóa thế chấp **S1** lại hẹn ông **Q2** đến **Văn phòng C3** (địa chỉ **B đường L, thành phố B**) ký Hợp đồng chuyển nhượng, được ông **Q2** trả 1.540.000.000 đồng thì **S1** quay lại **Văn phòng C2** nói với bà **V**, bà **D** là chưa chuyển nhượng được đất và hẹn bà **V**, bà **D** ngày hôm sau tiếp tục quay lại **Văn phòng C2** chờ lấy tiền. Trong ngày 27 và 28 tháng 5 năm 2024 **S1** đã sử dụng hết số tiền ông **Q2** trả để trả nợ cho những người khác và trốn gặp bà **D**, bà **T3**, bà **V**. Xét, **Xa Thị S** sau khi chuyển nhượng đất và lấy tiền từ ông **Q2**, mặc dù có điều kiện trả, nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận trước đó với bà **T3**, bà **D** và bà **V** mà dùng thủ đoạn gian dối trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và đã chiếm đoạt số tiền

này trả nợ người khác nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo **Xa Thị S** phạm vào “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo **Xa Thị S**.

[2] Xét kháng cáo của bị hại **Dương Thị D** yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy bị cáo **S** chiếm đoạt của bà **D**, bà **T3** và bà **V** tổng số tiền 1.990.000.000 đồng; ngày 29/9/2021, bị cáo **S** bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” ngày 03/7/2023 bị cáo mới chấp hành xong thời gian thử thách, thì ngày 27/5/2024 bị cáo **S** lại thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trong vụ án này nên thuộc trường hợp tái phạm phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại; bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự về “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm nếu chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, bị cáo **S** chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 1.990.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng, nhưng cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 13 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo **S** nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị hại **Dương Thị D** cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi đồng phạm của **Hà Thị Thu H1** (con bị cáo **S**), Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Chị **H1** là người đứng tên trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các bị hại **Hà Thị V** và **Dương Thị D** yêu cầu chị **H1** phải viết giấy vay tiền và đứng tên người vay trong giấy vay tiền; tuy nhiên toàn bộ quá trình thỏa thuận vay tiền, đưa ra thông tin trao đổi để vay tiền và việc sử dụng nguồn tiền vay đều do bị cáo **S** thực hiện, chị **H1** chỉ thực hiện theo yêu cầu của **S** mà không biết lý do, mục đích; việc **S** dùng thủ đoạn gian dối nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà **T3**, bà **D** và bà **V** thì **Xa Thị S** không trao đổi, bàn bạc với chị **H1** và chị **H1** không hưởng lợi ích vật chất từ Sim; do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm không xử lý trách nhiệm hình sự của chị **H1** là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Dương Thị D**.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo **S** kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HSST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Xa Thị S** 13 (mười ba) năm tù về “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo **Sa Thị S2** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại Tạm giam số 1- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân